

Số: 7191/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính
tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 9 và 9 tháng năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác cải cách hành chính nói chung, cải cách TTHC nói riêng và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ. Đặc biệt, tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất đánh giá công tác cải cách TTHC là một trong những nội dung được chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên về thời gian và nguồn lực thực hiện; đồng thời, đã quyết nghị nhiều nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục cắt giảm TTHC, nhất là tập trung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) để tổ chức thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bảo đảm thực chất, hiệu quả².

Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách TTHC, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp³; triển khai Sổ sức khỏe điện tử và cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID trên toàn quốc⁴. Bên cạnh đó, đã kiện toàn thành viên Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ⁵, phân công Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ là Tổ trưởng tổ công tác, tiếp tục phát huy vai trò của Tổ công tác trong việc chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu,

¹ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ; Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

² Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 08/9/2024 của Chính phủ.

³ Công văn số 727/TTg-KSTT ngày 01/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc ngày 02/10/2024.

⁵ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 17/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

nhiệm vụ và giải pháp về cải cách TTHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao năng lực phản ứng chính sách.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động đối với **87** TTHC tại **13** dự thảo VBQPPL⁶, thẩm định **92** TTHC quy định tại **25** dự thảo VBQPPL⁷; Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra đối với **83** TTHC, **01** QĐKD tại **07** dự thảo VBQPPL⁸, trong đó, đề nghị không quy định **10** TTHC, sửa đổi, bổ sung **36** TTHC. Tính trong 9 tháng, có **1.036** TTHC tại **149** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động và **1.407** TTHC tại **210** dự thảo VBQPPL được thẩm định; có **430** TTHC, **37** QĐKD tại **43** VBQPPL được thẩm tra, trong đó đã đề nghị không quy định **24** TTHC, **01** QĐKD, sửa đổi, bổ sung **251** TTHC, **17** QĐKD (*chiếm 62,7%*).

Về việc ban hành TTHC, trong tháng có **15** TTHC được ban hành mới, **18** TTHC được sửa đổi, bổ sung và **30** TTHC được bãi bỏ tại **15** VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của **06** bộ, cơ quan⁹; có **02** TTHC ban hành mới tại **01** VBQPPL thuộc thẩm quyền của thành phố Đà Nẵng (*Chi tiết tại Phụ lục I*). Tính trong 9 tháng, các bộ, ngành đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành mới **280** TTHC, sửa đổi, bổ sung **1.151** TTHC, bãi bỏ **354** TTHC tại **251** VBQPPL; các địa phương đã ban hành mới **19** TTHC, sửa đổi, bổ sung **01** TTHC, bãi bỏ **29** TTHC tại **13** VBQPPL. Đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương được công khai trên Cổng DVCQG là **6.369** TTHC.

Văn phòng Chính phủ đã tổng hợp **221** TTHC, quy định kinh doanh (QĐKD) cần cắt giảm, đơn giản hóa đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại **32** Luật gửi Bộ Tư pháp - cơ quan thường trực Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL để thúc đẩy thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa¹⁰. Đồng thời, đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030, gửi xin ý kiến các bộ, địa phương, cơ quan có liên quan trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định¹¹.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

⁶ Gồm: 01 Luật, 05 Nghị định, 02 Thông tư, 01 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 04 Quyết định của UBND tỉnh.

⁷ Gồm: 03 Luật, 01 Nghị định, 05 Thông tư, 16 Quyết định của UBND tỉnh.

⁸ Gồm: 03 Luật, 04 Nghị định

⁹ 06 bộ, cơ quan gồm: Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội.

¹⁰ Công văn số 6866/VPCP-KSTT ngày 26/9/2024 của Văn phòng Chính phủ

¹¹ Công văn số 7082/VPCP-KSTT ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, cơ quan tiếp tục tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD. Tính 9 tháng đầu năm, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **251 QĐKD¹²** tại **27 VBQPPL¹³**.

Tính từ năm 2021 đến nay, **18** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.026 QĐKD** (gồm: 1.616 TTHC, 181 yêu cầu điều kiện, 96 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại **262 VBQPPL¹⁴** trên tổng số **15.801 QĐKD**, đạt **19,1%** (Chi tiết tại Phụ lục II).

(2) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, các bộ, ngành tiếp tục rà soát các VBQPPL để thực thi các phương án phân cấp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg. Tính trong 9 tháng, tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp là **142 TTHC** tại **24 VBQPPL¹⁵**.

Tính từ năm 2022 đến nay, đã có **19/21** bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **295/699 TTHC** tại **56 VBQPPL** (không bao gồm 03 TTHC do các bộ chủ động phân cấp). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 08 bộ đạt từ 50% trở lên, 08 bộ đạt dưới 50%, 02 bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **404 TTHC** (184 TTHC tại 31 Luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, 220 TTHC tại 124 VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ) (Chi tiết tại Phụ lục III).

(3) Về đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung **11 TTHC** nhóm A; các địa phương (gồm: Cần Thơ, Đà Nẵng, Gia Lai, Quảng Ngãi) đã phê duyệt, thực thi một số phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.

Đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **95 TTHC** nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **83 TTHC** nội bộ được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án theo thẩm quyền; các địa phương đã đơn giản hóa **376 TTHC** nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **541 TTHC** nội bộ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt phương án theo thẩm quyền.

(4) Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

Trong tháng, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Tính trong 9 tháng, đã đơn giản hóa **278 TTHC** tại **27 VBQPPL¹⁶**.

¹² Gồm: 231 TTHC, 11 yêu cầu điều kiện, 09 chế độ báo cáo

¹³ Gồm: 02 Luật, 06 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹⁴ Gồm: 17 Luật, 72 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 167 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác

¹⁵ Gồm: 11 Nghị định và 13 Thông tư.

¹⁶ Gồm: 10 Nghị định và 17 Thông tư.

Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **859** TTHC được giao tại 19 Nghị quyết chuyên đề, đạt **79%**; trong đó, có **07** bộ, cơ quan¹⁷ hoàn thành 100%, **10** bộ, cơ quan đạt trên 50%¹⁸; **02** bộ đạt dưới 50%¹⁹. Còn **225** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 16 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch và 20 Thông tư (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).

(5) Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong tháng, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định²⁰ để cắt giảm, đơn giản hóa 02 TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp; các bộ, cơ quan đang tập trung rà soát các VBQPPL để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (*Chi tiết tại Phụ lục V*).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)²¹

(1) Chỉ số công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC: Tại các bộ, ngành, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 16,45%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 23% (1.538.690/6.572.069 hồ sơ); tại các địa phương, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 66,03%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 64,3% (2.023.278 /3.146.653 hồ sơ).

(2) Chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt 5,72% (88.013/1.538.690 hồ sơ) và tại các địa phương đạt 82,88% (1.676.892/2.023.278 hồ sơ).

(3) Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 47,36% (736.993/1.555.997 hồ sơ); tại các địa phương đạt 52% (1.050.789/2.023.278 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 40,39% (145/359 TTHC), (tại các địa phương đạt 52,14% (695/1.333 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 30,78% (40.704/132.221 hồ sơ), tại các địa phương đạt 45,06% (813.604/1.805.453 hồ sơ).

(4) Chỉ số về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 47,7% (737.229/1.545.458 hồ sơ), tại các địa phương đạt 59,73% (1.208.503/2.023.278 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 48,02% (742.186

¹⁷ 07 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

¹⁸ 10 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁹ 02 bộ, ngành gồm: Tài chính và Tư pháp

²⁰ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

²¹ Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 27/8/2024.

kết quả giải quyết TTHC/1.545.458 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt 59,73% (1.208.503 kết quả giải quyết TTHC/2.023.278 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,26% (34.887/1.543.672 hồ sơ), tại các địa phương đạt 17,50 (363.6872.078.21 hồ sơ).

b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT

Trong tháng, về đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT đối với các bộ, ngành: không có điểm đánh giá **Khá**, 05 bộ có điểm đánh giá **Trung bình**, còn lại các bộ, cơ quan đều có điểm đánh giá **Dưới trung bình**; đối với các địa phương: 08 địa phương có điểm đánh giá **Tốt** (*Phú Yên, Bình Định, Cà Mau, Bắc Giang, Bình Phước, An Giang, Hưng Yên, Hà Giang*), 36 địa phương có điểm đánh giá **Khá**, 16 địa phương có điểm đánh giá **Trung bình** và 03 địa phương có điểm đánh giá **Dưới trung bình** (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

4. Về triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh²²

Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, đến nay 04 địa phương: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh đã xây dựng, hoàn thiện Đề án Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Trong đó, Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã thông qua Dự thảo Nghị quyết về việc thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công TP. Hồ Chí Minh; Hội đồng nhân dân TP Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh dự kiến sẽ cho ý kiến tại Kỳ họp tháng 10 năm 2024. Tại Hà Nội đã thành lập Tổ công tác liên ngành để tái cấu trúc quy định TTHC và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương²³.

Theo đề xuất của Bộ Nội vụ²⁴ và UBND tỉnh Bắc Ninh²⁵ về việc cho phép Bắc Ninh tham gia thực hiện thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, Văn phòng Chính phủ đã báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình và được Phó Thủ tướng đồng ý²⁶ bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 để xin ý kiến các thành viên Chính phủ. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết giao “UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, thời gian thực hiện thí điểm từ tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2025”.

5. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

²² Theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

²³ Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội

²⁴ Tại Báo cáo số 5513/BC-BNV ngày 10/9/2024 của Bộ Nội vụ

²⁵ Tại Công văn số 356/UBND-NC ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh

²⁶ Phiếu trình số 11641/PTr-KSTT ngày 17/9/2024 của Văn phòng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận **10.374** PAKN về quy định và hành vi hành chính (*Giảm 3.976 PAKN so với tháng 7/2024*), nâng tổng số PAKN phải xử lý là **40.628** PAKN (*gồm 30.254 PAKN từ tháng trước chuyển sang*).

Các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, xử lý tổng số **6.343/40.628** PAKN, đạt **16%**, tăng 4% so với tháng 7/2024 (*Chi tiết tại Phụ lục VII*).

b) Tình hình, kết quả xử lý đối với kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với **111** kiến nghị, đề xuất của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC, nâng tổng số kiến nghị, đề xuất được xem xét, xử lý trong 9 tháng năm 2024 là **180/204** đề xuất, kiến nghị, còn **24** đề xuất, kiến nghị thuộc phạm vi xử lý của **04** bộ, ngành, địa phương²⁷ đang được nghiên cứu, xem xét trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục VIII*).

c) Về những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 9 năm 2024 (*các kiến nghị chủ yếu tập trung về việc đề nghị hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc thực hiện đánh giá theo Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ...*), Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu và trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị theo thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục IX*); đồng thời, tổng hợp, gửi các bộ, cơ quan nghiên cứu, trả lời các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục X*).

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã chuyển tổng số **215** đề xuất, kiến nghị tại các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng để các bộ, ngành nghiên cứu, trả lời. Đến nay, các bộ đã xem xét, trả lời **150/215** đề xuất, kiến nghị (*đạt 70%*), trong đó có **06** bộ, ngành đã hoàn thành 100%²⁸. Đối với **65** đề xuất, kiến nghị còn lại thuộc phạm vi xử lý của **13** bộ²⁹ đang được tiếp tục nghiên cứu, trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục XI*).

6. Công tác truyền thông về cải cách TTHC

Các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực, chủ động thực hiện các tin, bài, phóng sự... về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh³⁰. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì thông tin đa dạng, sinh động chuyên mục “Chính sách và

²⁷ 04 bộ, ngành, địa phương: Tài chính (20 ĐXKN), Thông tin và Truyền thông (01 ĐXKN), Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (01 ĐXKN), TP. HCM (02 ĐXKN).

²⁸ 06 bộ, ngành gồm: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại giao, Tư pháp, Ủy ban Dân tộc.

²⁹ Gồm các Bộ: Tài nguyên và Môi trường (20 ĐXKN), Y tế (09 ĐXKN), Tài chính (08 ĐXKN), Công Thương (06 ĐXKN), Công an (06 ĐXKN), Giáo dục và Đào tạo (04 ĐXKN), Giao thông vận tải (03 ĐXKN), Xây dựng (02 ĐXKN), Lao động - Thương binh và Xã hội (02 ĐXKN), Kế hoạch và Đầu tư (02 ĐXKN), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 ĐXKN), Thông tin và Truyền thông (01 ĐXKN).

³⁰ Trong tháng 9/2024, Thông tấn xã Việt Nam đã thực hiện 343 tin, bài, ảnh, chùm ảnh, phóng sự bằng các loại hình và đăng phát trên nhiều nền tảng thông tin. Đặc biệt, đã thông tin chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong việc cắt giảm TTHC, xóa bỏ cơ chế xin cho, giảm các khâu trung gian tại Phiên họp thứ 3 của Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL.

Cuộc sống”, “Người dân và Chính phủ” và đăng tải các tin, bài, phóng sự chuyên sâu trên dòng sự kiện “Cải cách hành chính”... góp phần đưa nội dung về cải cách TTHC đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp.

Văn phòng Chính phủ đã kịp thời cung cấp thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC...; mời các cơ quan thông tấn, báo chí đưa tin, bài về kết quả tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác này.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đạt được

Trong tháng 9 và 9 tháng năm 2024, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cùng với sự nỗ lực, chủ động của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, công tác cải cách TTHC đã có một số kết quả đáng ghi nhận. Việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD, phân cấp trong giải quyết TTHC tiếp tục được tập trung thực hiện. Chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT phục vụ người dân, doanh nghiệp có chuyển biến tích cực với nhiều chỉ số tăng so với năm 2023³¹.

Tổ công tác cải cách TTHC đã phát huy tốt vai trò giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC thông qua việc tổ chức 03 phiên họp toàn thể³², 01 buổi làm việc với 03 bộ, 08 địa phương theo hình thức trực tuyến để đánh giá kết quả và chỉ đạo, thúc đẩy việc thực hiện cải cách TTHC³³.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC đã được Văn phòng Chính phủ tổng hợp, nêu tại các báo cáo cải cách TTHC hằng tháng, chưa được một số bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời, cũng như giải quyết dứt điểm, cụ thể là:

(1) 02 bộ³⁴ chưa thực hiện phân cấp TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg và 03 bộ³⁵ chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg;

³¹ Trong 9 tháng năm 2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 45,4% (tăng 16,11% so với năm 2023), của địa phương đạt 54,8% (tăng 14,7% so với năm 2023); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của bộ, ngành đạt 45,45% (tăng 17,41% so với năm 2023), của địa phương đạt 65,54% (tăng 20,14% so với năm 2023); tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử của bộ, ngành đạt 45,82% (tăng 17,76% so với năm 2023), địa phương đạt 67,26% (tăng 19,59% so với năm 2023), tạo điều kiện cho việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông minh, thân thiện. Theo đó, mức độ hài lòng trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của địa phương 9 tháng đầu năm 2024 đạt 93.3%, (tăng 1,32% so với năm 2023).

³² 03 Phiên họp tổ chức ngày 23/02/2024, ngày 03/5/2024 và ngày 31/9/2024

³³ Thông báo số 210/TB-VPCP ngày 10/05/2024.

³⁴ 02 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao

³⁵ 03 bộ gồm: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường

(2) Kết quả số hóa hồ sơ, cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử còn hạn chế, việc tái sử dụng kết quả đã được số hóa mặc dù có cải thiện nhưng kết quả còn thấp, nhất là đối với các bộ, ngành³⁶;

(3) Việc xem xét, trả lời PAKN của tổ chức, cá nhân về quy định, hành vi hành chính, nhất là việc chậm trễ trong trả kết quả giải quyết TTHC đối với một số lĩnh vực, chưa được quan tâm đúng mức tại một số bộ, ngành³⁷.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách TTHC, xử lý PAKN tại một số bộ, ngành, địa phương trong một số nhiệm vụ cụ thể chưa thực sự quyết liệt, triệt để; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 10 VÀ QUÝ IV NĂM 2024

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các VBQPPL để thực thi phương án đơn giản hóa quy định, TTHC, giấy tờ công dân, phân cấp TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, bảo đảm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về liên thông điện tử 02 nhóm TTHC về khai sinh và khai tử, bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030, hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

4. Tổ chức triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên toàn quốc theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tập trung số hóa dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm giàu dữ liệu và phục vụ đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

6. Nâng cấp, hoàn thiện Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trong đó tập trung thực hiện phát triển nền tảng phân tích, kiểm soát quy định TTHC trong VBQPPL phục vụ công bố, công khai, rà soát, đánh giá TTHC.

³⁶ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,26%, tại các địa phương đạt 17,50%.

³⁷ Đến ngày 30/9/2024, còn 33.924 PAKN chưa được xem xét, xử lý, trong đó, chủ yếu PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an (31.958 PAKN), Bộ Tài chính (615 PAKN)...

7. Phát triển Công Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm vận hành ổn định, kế thừa, phát huy kết quả triển khai Công Dịch vụ công quốc gia thời gian qua theo Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

8. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả công tác cải cách TTHC tháng 9 và 9 tháng năm 2024, Văn phòng Chính phủ kiến nghị:

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành viên Tổ công tác cải cách TTHC và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 727/TTg-KSTT ngày 01 tháng 10 năm 2024 và các nội dung trọng tâm nêu tại Mục III của Báo cáo này.

2. Chính phủ xem xét thông qua nội dung tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại Bắc Ninh nêu tại dự thảo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2024.

3. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ đề xuất đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh việc sửa đổi, bổ sung 32 Luật chuyên ngành nhằm triển khai thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá 221 TTHC, quy định kinh doanh đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Báo cáo số 400/BC-BTP ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp tại Phiên họp thứ 3 Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL.

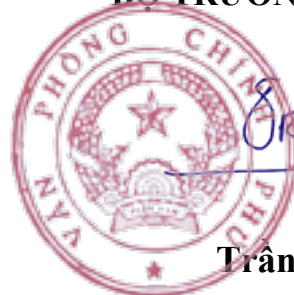
4. Các bộ, cơ quan có liên quan khẩn trương xem xét, trả lời đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục X kèm theo Báo cáo này và các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng do Văn phòng Chính phủ tổng hợp; đồng thời, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 9 và 9 tháng năm 2024, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN,
NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn